

## HƯỚNG DẪN CHẤM

### Câu I (4,0 điểm)

<b>1. Vỏ Trái đất và thạch quyển khác nhau như thế nào? Tại sao địa hình đồng bằng châu thổ thường có ở miền khí hậu nóng ẩm, còn địa hình các hoang mạc phổ biến ở nơi có khí hậu khô?</b>	<b>1,0</b>
<p><b>* Vỏ Trái đất và thạch quyển khác nhau như thế nào?</b></p> <p>- Thạch quyển là phần cứng ngoài cùng của Trái Đất, bao gồm vỏ Trái Đất và phần trên của lớp Manti, độ dày tới 100 km.</p> <p>- Vỏ Trái Đất là phần ngoài cùng của Trái đất, cấu tạo chủ yếu bằng những vật chất cứng rắn, độ dày trung bình dày từ 5 km (ở đại dương) đến 70km (ở lục địa).</p>	0,25 0,25
<p><b>* Địa hình đồng bằng châu thổ thường có ở miền khí hậu nóng ẩm; địa hình các hoang mạc phổ biến ở nơi có khí hậu khô, lạnh.</b></p> <p>- Đồng bằng châu thổ được hình thành do kết quả của quá trình xâm thực, bào mòn, vận chuyển, bồi tụ vật chất dưới tác động của nước. Các vật chất bị nước chảy bào mòn, được vận chuyển và bồi tụ vào những vùng thấp để hình thành nên đồng bằng châu thổ. Quá trình này xảy ra thuận lợi trong điều kiện khí hậu có mưa nhiều, nóng ẩm của xích đạo và nhiệt đới ẩm.</p> <p>- Địa hình hoang mạc được hình thành chủ yếu do phong hóa vật lí. Ở hoang mạc nơi khô hạn có sự thay đổi nhiệt độ tương đối đột ngột giữa ngày và đêm; nơi khí hậu lạnh có sự đóng băng của nước, thể tích của nước tăng lên, làm giãn các khe nứt, tạo sự nứt vỡ nhiều hơn.</p>	0,25 0,25
<b>2. Giải thích hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa ở khu vực nhiệt đới.</b>	<b>1,0</b>
<p>- Trái Đất chuyển động tịnh tiến quanh Mặt Trời, trong quá trình chuyển động trục Trái Đất nghiêng <math>66^{\circ}33'</math> so với mặt phẳng quỹ đạo, không đổi phương nên sinh ra hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.</p> <p>- Xích đạo có ngày dài bằng đêm do đường phân chia sáng tối cắt trục trái đất tại tâm, chia xích đạo thành hai phần bằng nhau, diện tích chiếu sáng bằng diện tích trong bóng tối.</p> <p>- Các địa điểm khác ở khu vực nhiệt đới hai bán cầu:</p> <p>+ Từ 21/3 – 23/9: đi từ xích đạo về chí tuyến bắc, ngày càng dài hơn đêm; đi từ xích đạo về chí tuyến nam, đêm càng dài hơn ngày; vào ngày 22/6 các địa điểm nhiệt đới bắc bán cầu có ngày dài nhất, ở nam bán cầu có ngày ngắn nhất.</p> <p>+ Từ 23/9 – 21/3: ngược lại; vào ngày 22/12 các địa điểm nhiệt đới bắc bán nam có ngày dài nhất, bán cầu bắc có ngày ngắn nhất.</p>	0,25 0,25 0,25 0,25
<b>3. Tại sao thảm thực vật trên thế giới đa dạng và phong phú?</b>	<b>2,0</b>
<p>* Trên Trái Đất có nhiều thảm thực vật khác nhau, mỗi loại đều chịu tác động tổng hợp đồng thời của nhiều nhân tố như khí hậu, đất, địa hình và con người.</p> <p>* Các nhân tố có tác động khác nhau tới sự hình thành thảm thực vật</p> <p>- Khí hậu: tác động trực tiếp đến sự phân bố thực vật qua yếu tố nhiệt, ẩm, <i>diễn giải</i></p> <p>- Đất: các đặc tính lí hóa của đất có ảnh hưởng đến sự phân bố của thực vật. <i>(diễn giải)</i></p> <p>- Địa hình: địa hình ảnh hưởng tới quá trình hình thành đất thông qua sự phân bố lại nhiệt ẩm, ảnh hưởng tới quá trình phong hóa và sự phát triển của thực vật theo độ cao và hướng địa hình <i>(diễn giải)</i></p> <p>- Con người: làm thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng.</p> <p>* Mỗi nhân tố có mức độ tác động khác nhau ở mỗi địa điểm khác nhau trên bề mặt Trái đất, mối quan hệ giữa chúng cũng có sự khác nhau ở mỗi địa điểm. Từ đó tạo nên sự đa dạng và phong phú của các loại thảm thực vật trên bề mặt.</p>	0,25 0,5 0,5 0,25 0,25 0,25

### Câu II (4,0 điểm)

<b>1. Chứng minh sự phân hóa đất theo quy luật phi địa đới ở môi trường đới ôn hòa.</b>	<b>2,0</b>
<p>- Các nhóm đất ở đới ôn hòa có sự thay đổi rõ nét từ Đông sang Tây theo các kiểu khí hậu: đất podsol (ôn đới lục địa lạnh) → đất nâu và xám (ôn đới hải dương) → đất đen (ôn đới lục địa nửa khô hạn).</p> <p>- Các nhóm đất ở đới ôn hòa có sự thay đổi rõ nét theo độ cao, đã tạo nên các vành đai đất khác nhau</p> <p>Ví dụ sườn tây dãy Capca:</p> <p>+ 0-500 m: đất đỏ cận nhiệt</p> <p>+ 500-1200 m: đất nâu</p> <p>+ 1200 – 1600 m: đất podsol núi</p> <p>+ 1600-2000 m: đất đồng cỏ núi</p>	0,5 0,5

+ 2000 -2800 m: đất sơ đẳng xen lẫn đá + Trên 2800 m: băng tuyết.	
<b>• Giải thích</b> - Theo chiều Đông - Tây: do sự phân bố lục địa đại dương làm cho khí hậu (chủ yếu là chế độ nhiệt, ẩm) thay đổi từ đông sang tây, hình thành kiểu khí hậu khác nhau → kéo theo sự phân bố đất cũng có sự khác nhau từ đông sang tây.	0,5
- Theo độ cao: Do sự thay đổi khí hậu theo đai cao dẫn đến sự thay đổi của các vành đai đất theo độ cao: càng lên cao, nhiệt độ và áp suất kk càng giảm, độ ẩm kk tăng đến 1 độ cao nào đó rồi mới giảm → tạo nên sự thay đổi đất theo độ cao.	0,5
<b>2. Độ muối và nhiệt độ của nước biển có mối quan hệ như thế nào với nhiệt độ không khí.</b>	<b>2,0</b>
- Độ muối của nước biển phụ thuộc vào tương quan giữa lượng mưa và lượng bốc hơi. Lượng bốc hơi chịu sự quy định của nhiệt độ không khí.	0,25
+ Theo vĩ độ: khu vực vĩ độ thấp, nhiệt độ không khí cao, độ bốc hơi lớn, độ muối của nước biển cao (Biển Đỏ - 43‰). Ngược lại, ở vĩ độ cao, nhiệt độ không khí thấp, độ bốc hơi nhỏ, độ muối của nước biển thấp (Biển Ban Tích - 10‰).	0,5
+ Theo mùa: mùa hè, độ mặn của nước biển lớn hơn mùa đông do mùa hè có nhiệt độ không khí cao.	0,25
- Nhiệt độ của nước biển chịu ảnh hưởng của nhiệt độ không khí.	
+ Vào mùa hè nhiệt độ của nước biển cao hơn mùa đông do nhận được nhiều nhiệt lượng từ Mặt Trời nên nhiệt độ không khí cao.	0,25
+ Càng xuống sâu nhiệt độ nước biển càng giảm nhanh, nhất là ở biển ở vĩ độ thấp. Do độ sâu càng tăng thì khả năng nhận được ánh sáng và nhiệt độ càng giảm vì vậy nhiệt độ giảm dần theo độ sâu. ( <i>dẫn chứng</i> )	0,5
+ Nhiệt độ của nước biển chịu tác động của sự thay đổi nhiệt độ không khí theo vĩ độ. Nhiệt độ không khí giảm dần từ xích đạo về cực, tương ứng với nhiệt độ của nước biển cũng giảm theo từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao ( <i>dẫn chứng</i> )	0,25

### Câu III (4,0 điểm)

<b>1. Xác định các kiểu khí hậu tương ứng ở hình A và hình B. Nhận xét và giải thích sự khác nhau về nhiệt độ và lượng mưa ở hai kiểu khí hậu trên.</b>	<b>2,0</b>
<b>* Xác định các kiểu khí hậu tương ứng</b> + Hình A: ôn đới hải dương + Hình B: ôn đới lục địa	0,5
<b>* Nhận xét</b> - Chế độ nhiệt + Ôn đới hải dương: Nhiệt độ trung bình các tháng trên 0°C, biên độ nhiệt năm không lớn.	0,25
+ Ôn đới lục địa: Trong năm có 5 tháng nhiệt độ trung bình dưới 0°C, nhiệt độ cực đại lớn hơn và nhiệt độ cực tiểu thấp hơn ôn đới hải dương, biên độ nhiệt năm lớn.	0,25
- Chế độ mưa: + Ôn đới hải dương: lượng mưa lớn hơn, hầu như quanh năm, tập trung nhiều các tháng mùa thu đông.	0,25
+ Ôn đới lục địa: lượng mưa thấp, tập trung nhiều các tháng mùa hạ.	0,25
<b>* Giải thích</b> - Ôn đới hải dương: nền nhiệt cao hơn, mưa nhiều quanh năm đặc biệt vào mùa thu đông do nằm ven biển bờ tây nên chịu tác động gió Tây ôn đới, dòng biển nóng, áp thấp ôn đới, các xoáy thuận và frông cực hoạt động.	0,25
- Ôn đới lục địa: nhiệt độ trung bình năm giảm, biên độ nhiệt dao động rất lớn, lượng mưa ít và phân thành hai mùa rõ rệt với một mùa hạ có lượng mưa lớn hơn do nằm sâu trong lục địa, mùa hè nhiệt độ cao, mùa đông nhiệt độ xuống thấp nên biên độ nhiệt lớn, hơi nước bốc lên ít nên lượng mưa ít.	0,25
<b>2. Ứng phó với biến đổi khí hậu là gì? Để phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững, Đồng bằng sông Cửu Long cần đẩy mạnh các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp như thế nào?</b>	<b>2,0</b>
- Ứng phó với biến đổi khí hậu là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên hoặc nhân tạo nhằm giảm khả năng bị tổn thương do biến đổi khí hậu và tận dụng các cơ hội do nó mang lại	0,25
- ĐBSCL có địa hình thấp, trũng, mạng lưới sông ngòi dày đặc, mùa khô sâu sắc nên tác động của thủy triều lớn, gây ngập mặn ven bờ ĐBSCL.	0,5
- Biện pháp	0,25

+ Xây dựng các công trình thủy lợi nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước ngọt, hạn chế xâm nhập mặn vào mùa khô	0,25
+ Lựa chọn giống cây trồng có khả năng thích nghi với hạn mặn xâm nhập rộng vào đồng bằng.	0,25
+ Điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp.	0,25
+ Bảo vệ rừng, tăng cường trồng rừng để bảo vệ đất, điều hòa nguồn nước, hạn chế thiên tai.	
+ Tăng cường công tác dự báo thiên tai.	

**Câu IV. (3,0 điểm)**

<b>1. Tại sao tỉ suất tử thô ở những nước phát triển có xu hướng tăng trong những năm gần đây.</b>	<b>0,5</b>
- Cơ cấu dân số già, tỉ lệ người cao tuổi trong dân số lớn nên tỉ lệ tử vong cao (chủ yếu là tỉ suất sinh của nhóm người già) mặc dù điều kiện sống nói chung và chất lượng cuộc sống tốt.	0,25
- Tỉ suất tử của nhóm trẻ em rất thấp do chất lượng cuộc sống tốt, y học tiến bộ nên vấn đề chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em tốt.	0,25
<b>2. So sánh đặc điểm đô thị hóa (ĐTH) giữa hai nhóm nước phát triển và đang phát triển.</b>	<b>2,5</b>
<b>* Giống nhau</b>	0,5
- Quá trình ĐTH đều bắt đầu từ quá trình công nghiệp hóa.	
- Quy mô dân số đô thị có xu hướng thay đổi.	
- Tỉ lệ dân thành thị có xu hướng tăng và có sự khác biệt giữa các khu vực, các quốc gia.	
- Lối sống đô thị ngày càng phổ biến.	
<b>* Khác nhau</b>	
<b>Lịch sử phát triển:</b> nước pt có quá trình đô thị hóa bắt đầu sớm hơn các nước đang phát triển.	0,25
- Nước phát triển có quá trình đô thị hóa diễn ra sớm (từ trước thế kỉ 19), phát triển mạnh vào thời kì từ sau cách mạng Công nghiệp.	
- Nước đang phát triển bắt đầu muộn hơn, phát triển mạnh từ giữa thế kỉ 20 gắn liền với hiện tượng bùng nổ dân số đô thị.	
<b>Trình độ đô thị hóa:</b> nước phát triển có trình độ đô thị hóa cao hơn nước đang pt được thể hiện qua tỉ lệ dân số đô thị	0,25
- Nước phát triển có tỉ lệ dân số đô thị cao, phần lớn trên 70%, nhiều nước trên 80%.	
- Nước đang phát triển có tỉ lệ thấp, phổ biến ở mức 50-60%	
<b>Quy mô dân số và tốc độ tăng dân số đô thị:</b> các nước phát triển có quy mô dân số đô thị lớn hơn, tốc độ tăng chậm hơn nước đang phát triển.	0,25
- Nước phát triển có các đô thị quy mô lớn và cực lớn; tốc độ tăng chậm, có xu hướng giảm.	
- Nước đang phát triển có quy mô trung bình và nhỏ; tốc độ tăng nhanh, chủ yếu do tác động của bùng nổ dân số từ nửa sau thế kỉ 20 kéo theo bùng nổ đô thị hóa.	
<b>Chức năng đô thị:</b> nước phát triển có chức năng đô thị đa dạng hơn, vai trò của các hoạt động phi nông nghiệp rõ rệt hơn:	0,25
- Đô thị các nước phát triển có chức năng tổng hợp, đô thị lớn là các trung tâm dịch vụ lớn, tầm ảnh hưởng lớn với quy mô toàn cầu.	
- Nước đang pt có chức năng đô thị đơn giản, nhiều đô thị có chức năng hành chính.	
<b>Xu hướng phát triển đô thị:</b>	0,5
Nước phát triển, đô thị trong tương lai sẽ phát triển theo hướng:	
- Số dân thành thị tăng chậm, có xu hướng “phi đô thị hóa”	
- Phát triển các đô thị vệ tinh, tạo các siêu đô thị, vùng đô thị.	
- Chức năng đô thị ngày càng đa dạng.	
Đô thị ở nước đang phát triển sẽ theo hướng:	
- Tiếp tục hình thành các đô thị lớn, số lượng đô thị tăng nhanh.	
- Phát triển các đô thị quy mô vừa và nhỏ.	
- Cải tạo và nâng cấp các đô thị.	
<b>Trình độ phát triển kinh tế:</b>	0,25
- Nước phát triển có trình độ cao, tỉ lệ phi nông nghiệp lớn.	
- Nước đang phát triển có trình độ thấp, tỉ lệ phi nông nghiệp còn thấp.	
<b>Chênh lệch mức sống giữa nông thôn – thành thị:</b> nước phát triển có mức độ chênh lệch ít hơn nước đang phát triển.	0,25

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước phát triển: Chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị ko lớn, sức hút việc làm không còn cao như giai đoạn đầu, dân cư có xu hướng di chuyển từ trung tâm ra ngoại ô và nông thôn -&gt; tốc độ tăng dân số đô thị chậm lại, tạo hiện tượng phi đô thị hóa ở một số quốc gia.</li> <li>- Nước đang phát triển: Chênh lệch thành thị - nông thôn lớn -&gt; xuất hiện dòng di cư từ nông thôn ra thành thị với mong muốn tìm việc làm =&gt; tốc độ đô thị hóa nhanh hơn công nghiệp hóa, làm nảy sinh các vấn đề xã hội.</li> </ul>	
---	--

**Câu V (5,0 điểm)**

<b>1. Phân biệt GDP và GNI. Tại sao các nước phát triển có GNI lớn hơn GDP, nước đang phát triển có GNI lớn hơn GDP?</b>	<b>2,0</b>
<p><b>* Phân biệt GDP và GNI.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GDP (tổng sản phẩm trong nước)</li> <li>+ Là tổng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cuối cùng mà một nền kinh tế tạo ra bên trong một quốc gia, không phân biệt do người nước ngoài hay người trong nước làm ra ở 1 thời kì nhất định, thường 1 năm.</li> <li>+ GDP thể hiện số lượng nguồn của cải bên trong một quốc gia, sự phồn thịnh hay khả năng phát triển kinh tế. GDP thường dùng để phân tích cơ cấu kinh tế, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, trình độ phát triển và mức sống con người</li> <li>- GNI (Tổng thu nhập quốc gia)</li> <li>+ Là tổng thu nhập từ vật chất và dịch vụ cuối cùng do công dân của 1 nước tạo nên trong 1 khoảng thời gian nhất định, thường là 1 năm, không phân biệt họ cư trú ở lãnh thổ nào. Như vậy, GNI bằng GDP cộng với các khoản thu nhập nhận được từ nước ngoài, trừ đi các khoản thu nhập chuyển trả cho nước ngoài.</li> <li>+ GNI là thước đo tổng hợp nhất của nền kinh tế, thường sử dụng trong xem xét đầu tư nước ngoài của một nước.</li> </ul> <p><b>* Các nước phát triển có GNI lớn hơn GDP, nước đang phát triển có GNI lớn hơn GDP?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nước phát triển thường có GDP nhỏ hơn GNI vì: Các nước phát triển có nền kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế hiện đại, chủ yếu phát triển công nghiệp và dịch vụ, đẩy mạnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Do đó, ở các nước phát triển, chênh lệch nhân tố sản xuất từ nước ngoài với nhân tố sản xuất cho nước ngoài dương, GDP nhỏ hơn GNI.</li> <li>- Các nước đang phát triển có GDP lớn hơn GNI do: Xuất phát điểm thấp, nền kinh tế còn kém phát triển, chủ yếu phát triển nông nghiệp, đang trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đô thị hóa nên nhận nguồn vốn đầu tư lớn từ nước ngoài. Vì vậy mà chênh lệch nhân tố sản xuất từ nước ngoài với nhân tố sản xuất cho nước ngoài âm, GDP lớn hơn GNI.</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<b>2. Nhận xét và giải thích về sự thay đổi của một số sản phẩm công nghiệp. Giải thích tại sao cần phải phát triển mạnh nguồn năng lượng tái tạo trong tương lai.</b>	<b>3,0</b>
<p><b>a) Nhận xét và giải thích về sự thay đổi của một số sản phẩm công nghiệp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng các sản phẩm công nghiệp đều có xu hướng tăng liên tục nhưng tốc độ tăng trưởng không đồng đều (dẫn chứng)</li> <li>- Sản lượng điện có tăng liên tục do: + tiến bộ của khoa học kĩ thuật phát triển nhanh chóng, đưa vào khai thác nhiều nguồn năng lượng mới. + kinh tế tăng trưởng nhanh, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần nhiều điện + nhu cầu ngày càng cao trong tiêu dùng điện của dân cư.</li> <li>- Sản lượng dầu mỏ có xu hướng tăng liên tục do nhu cầu nhiên liệu của thị trường thế giới ngày càng cao; đặc biệt cho giao thông vận tải, công nghiệp năng lượng và hóa dầu.</li> <li>- Sản lượng điện thoại di động tăng liên tục do + đổi mới liên tục của công nghệ với các tính năng tiên tiến + dân số tăng nhanh cùng với nhu cầu ngày càng cao, đa dạng nên thị trường tiêu thụ mở rộng. + sự cạnh tranh thị trường của các tập đoàn công nghệ cho ra đời nhiều sản phẩm phục vụ nhu cầu lựa chọn của người dân.</li> </ul> <p><b>b) Giải thích tại sao cần phải phát triển mạnh nguồn năng lượng tái tạo trong tương lai.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch làm cạn kiệt tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Vì vậy, các quốc gia trên thế giới ngày càng chú trọng phát triển nguồn năng lượng tái tạo.</li> <li>- Nguồn năng lượng tái tạo bao gồm sức nước, sức gió, bức xạ mặt trời, địa nhiệt, nhiên liệu sinh học và các nguồn năng lượng khác có khả năng tái tạo.</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

- Việc đẩy mạnh nguồn năng lượng tái tạo nhằm:	
+ đảm bảo cung cấp năng lượng cho các ngành kinh tế,	0,25
+ đảm bảo an ninh năng lượng mỗi quốc gia	0,25
+ góp phần giảm phát thải nhà kính, giảm thiểu biến đổi khí hậu,...	0,25